

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2022/HNGĐ-ST

Ngày 31-5-2022

“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* **Bà Phạm Kiều Diễm**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Minh Hoàng

Ông Nguyễn Văn Tịnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:** Ông Trần Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 152/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022, về việc tranh chấp ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Diệu T**, sinh năm 1989, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 29 tháng 4 năm 2022.

Bị đơn: **Anh Phạm Văn N**, sinh năm 1980, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 01/4/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Chị Nguyễn Diệu T trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và Anh Phạm Văn N tự nguyện chung sống với nhau với nhau từ năm 2009 và không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Trong thời gian chung sống vợ chồng tôi thường xuyên cãi vã với nhau do không do tính cách không hợp nên không thể trao đổi, nói chuyện hàn gắn tình cảm với nhau nên dần tình cảm vợ chồng còn. Tôi và anh N đã ly, trong thời gian này vợ chồng tôi không liên lạc với nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay tôi không còn tình cảm với anh N nên tôi yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Tôi và Anh Phạm Văn N có 02 con chung Phạm Thị Thảo N, sinh ngày 02/9/2010 và Phạm Như Y, sinh ngày 26/9/2013, hiện hai con đang do tôi chăm sóc. Khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi Phạm Thị Thảo N, sinh ngày 02/9/2010 và Phạm Như Y, sinh ngày 26/9/2013 và không yêu cầu Anh Phạm Văn N cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng tôi không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, không ai nợ tiền vợ chồng tôi.

Đối với bị đơn Anh Phạm Văn N: Thông nhất lời trình bày của Nguyễn Diệu T là về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Về hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn do anh còn rất thương Chị Nguyễn Diệu T.

Về con chung: Tôi và Chị Nguyễn Diệu T có 02 con chung Phạm Thị Thảo N, sinh ngày 02/9/2010 và Phạm Như Y, sinh ngày 26/9/2013. Tôi đồng ý giao lại hai cháu Phạm Thị Thảo N, sinh ngày 02/9/2010 và Phạm Như Y, sinh ngày 26/9/2013 cho Chị T chăm sóc và giáo dục, tôi không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Về tài sản chung và nợ chung không có nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, còn bị đơn không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 28, 35, 39, 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 9, 14, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Không công nhận Chị Nguyễn Diệu T và Anh Phạm Văn N là vợ chồng. Về con chung: Giao hai cháu Phạm Thị Thảo N, sinh ngày 02/9/2010 và Phạm Như Y, sinh ngày 26/9/2013 lại cho Chị Nguyễn Diệu T chăm sóc, giáo dục. Chị T không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Diệu T yêu cầu ly hôn với Anh Phạm Văn N, anh N cư trú tại ấp K, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị Nguyễn Diệu T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Anh Phạm Văn N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D và anh P.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Diệu T và Anh Phạm Văn N chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Điều 9 và Điều 14 luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử không công nhận Chị Nguyễn Diệu T và Anh Phạm Văn N là vợ chồng.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Diệu T và Anh Phạm Văn N xác định chị và anh N có 02 con chung tên Phạm Thị Thảo N, sinh ngày 02/9/2010 và Phạm Như Y, sinh ngày 26/9/2013. Chị T và anh N thống nhất giao lại Phạm Thị Thảo N, sinh ngày 02/9/2010 và Phạm Như Y, sinh ngày 26/9/2013 cho Chị T chăm sóc và giáo dục, hai cháu còn nhỏ khi ly thân thì sống với Chị T và hai cháu cũng có nguyện vọng sống với chị T, nên cần giữ nguyên để đảm bảo cuộc sống ổn định của các cháu. Do đó, cần tiếp tục giao Phạm Thị Thảo N, sinh ngày 02/9/2010 và Phạm Như Y, sinh ngày 26/9/2013 cho Chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Chị Nguyễn Diệu T không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và không có ý kiến nên không đặt

ra xem xét, giải quyết. Anh Phạm Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Diệu T và Anh Phạm Văn N xác định chị và anh không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 2 Điều 244, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 9, 14, khoản 2 Điều 53, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Không công nhận Chị Nguyễn Diệu T và Anh Phạm Văn N là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Thảo N, sinh ngày 02/9/2010 và Phạm Như Y, sinh ngày 26/9/2013 cho Chị Nguyễn Diệu T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Nguyễn Diệu T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Anh Phạm Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng Chị Nguyễn Diệu T phải chịu. Chị T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002215 ngày 13/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Án xử sơ thẩm công khai, Chị Nguyễn Diệu T và Anh Phạm Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Phạm Kiều Diễm**